

TT	Kĩ năng	Nội dung/đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức						Tổng
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		
			TN	TL	TN	TL	TN	TL	
1	Đọc hiểu	Văn bản thông tin	4			2		2	8
Tỉ lệ % điểm			20			15		15	50
2	Viết	Viết bài văn nghị luận về một vấn đề cần giải quyết (trong đời sống xã hội).		1*		1*		1*	1
Tỉ lệ% điểm				20		15		15	50
Tỉ lệ % điểm các mức độ nhận thức			40		30		30		100

TT	Kĩ năng	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức		
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận Dụng
1	Đọc hiểu	Văn bản thông tin	- Nhận biết: - Nhận biết được đặc điểm của văn bản giới thiệu một danh lam thắng cảnh hoặc di tích lịch sử. - Nhận biết được cách trình bày thông tin trong văn bản như: trật tự thời gian, quan hệ nhân quả, các đối tượng phân loại, so sánh và đối chiếu,... - Nhận biết BPTT. - Nhận biết phương thức biểu đạt. - Thông hiểu: - Xác định được nội dung chính của văn bản - Xác định được tác dụng của các kiểu câu phân loại theo cấu tạo ngữ pháp trong văn bản. - Vận dụng: - Đánh giá được vai trò của các chi tiết quan trọng trong văn bản. - Liên hệ, vận dụng được những điều đã đọc từ văn bản để giải quyết một vấn đề trong đời sống.	4 TN	2TL	2TL
2	Viết	Viết bài văn nghị luận về một vấn đề cần giải quyết (trong đời sống xã hội).	- Nhận biết: - Xác định được yêu cầu về nội dung và hình thức của bài văn nghị luận xã hội về một vấn đề cần giải quyết (trong đời sống xã hội). - Xác định rõ được mục đích, đối tượng nghị luận. - Giới thiệu được vấn đề nghị luận và mô tả được những dấu hiệu, biểu hiện của vấn đề xã hội trong bài viết. - Đảm bảo cấu trúc, bố cục của một văn bản nghị luận xã hội về một vấn đề cần giải quyết (trong	1*		

		đời sống xã hội) Thông hiểu: - Giải thích được những khái niệm liên quan đến vấn đề nghị luận. - Triển khai vấn đề nghị luận thành những luận điểm phù hợp. - Kết hợp được lí lẽ và dẫn chứng để tạo tính chặt chẽ, logic của mỗi luận điểm. Vận dụng: - Đánh giá được ý nghĩa, ảnh hưởng của vấn đề đối với con người, xã hội. - Nêu được những bài học, những đề nghị, khuyến nghị rút ra từ vấn đề bàn luận. - Trình bày được các giải pháp khả thi và có sức thuyết phục. - Vận dụng các kĩ năng, thao tác lập luận một cách nhuần nhuyễn, linh hoạt.		1*	1TL*
Tỉ lệ %			40	30	30
Tỉ lệ chung			70		30

ĐỀ CHÍNH THỨC

(Đề này gồm 02 trang)

I. ĐỌC - HIỂU: (5.0 điểm)

Đọc đoạn trích và thực hiện các yêu cầu:

Sự kì lạ của Hạ Long là vô tận. Tạo hóa đã biết dùng đúng chất liệu hay nhất cho cuộc sáng tạo của mình: Nước. Chính Nước làm cho Đá sống dậy, làm cho Đá vốn bất động và vô tri bỗng trở nên linh hoạt, có thể động đến vô tận, và có tri giác, có tâm hồn.

Nước tạo nên sự di chuyển. Và di chuyển theo mọi cách. Có thể mặc cho con thuyền của ta mỏng như lá tre tự nó bập bềnh lên xuống theo con triều; có thể thả trôi theo chiều gió, theo các dòng chảy quanh co phức tạp giữa các đảo; cũng có thể thông thả khua khẽ mái chèo mà lướt đi, trượt nhẹ và êm trên sóng; có thể nhanh tay hơn một chút để tạo một cảm giác xê dịch thanh thoát; có thể bơi nhanh hơn bằng thuyền buồm, nhanh hơn nữa bằng thuyền máy, cũng như bay trên các ngọn sóng lượn vun vút giữa các đảo trên cao tốc; có thể thả sức phóng nhanh hàng giờ, hàng buổi, hàng ngày khắp các thân đồ bát quái đá trộn với nước này. Mà cũng có thể, một người bộ hành tùy hứng, lúc đi lúc dừng, lúc nhanh lúc chậm, lúc tiến lúc lùi, thẳng tắp hay quanh co, lao ra những quãng trống hay len lỏi qua các khe hẹp giữa các đảo đá.... Và cái thập loại chúng sinh chen chúc khắp vịnh Hạ Long kia, già đi, trẻ lại, trang nghiêm hơn hay bỗng nhiên nhí nhảnh tinh nghịch hơn, buồn hơn hay vui hơn,... hoá thân không ngừng. Tùy theo góc độ và tốc độ di chuyển của ta trên mặt nước quanh chúng, hoặc độ xa gần và hướng ta tiến đến chúng hay rời xa chúng. Còn tùy theo cả hướng ánh sáng rọi vào chúng, hoặc đột nhiên khiến cho mái đầu một nhân vật đá trẻ trung ta chừng đã quên hẳn bóng bạc xoá lên, rõ ràng trước mắt ta là một bậc tiên ông không còn có tuổi. Ánh sáng hắt lên từ mặt nước lung linh chảy khiến những con người bằng đá vây quanh ta trên mặt vịnh càng lung linh, xao động, như đang đi lại, đang tụ lại cùng nhau, hay đang toả ra. Hoặc cũng rất có thể, khi đêm đã xuống, dưới ánh sao chỉ chít trên bầu trời và chỉ chít xao động dưới cả mặt nước bí ẩn nữa, sẽ có cuộc họp của cả thế giới người bằng đá sống động đó, biết đâu...!

[...] Để rồi, khi chân trời dâng đông vừa ửng tím nhạt, rồi từ từ chuyển sang hồng... thì tất cả bọn người đá ấy lại hồi hải trở về vị trí của họ. Mà vẫn còn nóng hổi hơi thở cuộc sống đêm chưa muốn dứt.

Hạ Long vậy đó, cho ta một bài học, sơ đẳng mà cao sâu: Trên thế gian này, chẳng có gì là vô tri cả. Cho đến cả đá. Ở đây Tạo hóa đã chọn Đá làm một trong hai nguyên liệu chủ yếu và duy nhất của Người để bày nên bản phác thảo của Sự sống. Chính là Người có ý tứ sâu xa đấy: Người chọn lấy cái vẫn được coi là trơ lì, vô tri nhất để thể hiện cái hồn riu rít của sự sống. Thiên nhiên bao giờ cũng thông minh đến bất ngờ; nó tạo nên thế giới bằng những nghịch lí đến lạ lùng...

(Nguyễn Ngọc, *Hạ Long - Đá và Nước*, Ban quản lí vịnh Hạ Long, 2002)

***Thí sinh chọn một phương án đúng và ghi vào giấy làm bài (Ví dụ: 1A, 2D...)**

Câu 1 (0.5 điểm): Văn bản trên là

- A. văn bản văn học. B. văn bản nghị luận.
C. văn bản thông tin. D. văn bản hành chính.

Câu 2 (0.5 điểm): Xác định phương thức biểu đạt chính của văn bản.

- A. Nghị luận. B. Thuyết minh. C. Miêu tả. D. Tự sự.

Câu 3 (0.5 điểm): Biện pháp tu từ nào được sử dụng khi giới thiệu về đá Hạ Long?

- A. Nhân hóa. B. So sánh. C. Hoán dụ. D. Ẩn dụ.

Câu 4 (0.5 điểm): Cho biết cách trình bày thông tin trong văn bản.

- A. Quan hệ nhân quả. B. So sánh và đối chiếu.
C. Từ xa đến gần. D. Từ bao quát đến cụ thể.

*** Trả lời các câu hỏi/yêu cầu sau:**

Câu 5 (0.75 điểm): Câu ghép sau thuộc kiểu câu ghép gì và cho biết quan hệ ý nghĩa giữa các vế câu ghép “*Thiên nhiên bao giờ cũng thông minh đến bất ngờ; nó tạo nên thế giới bằng những nghịch lý đến lạ lùng...*”?

Câu 6 (0.75 điểm): Hãy nêu nội dung chính của văn bản?

Câu 7 (0.75 điểm): Em có đồng tình với quan điểm của tác giả “*Trên thế gian này, chẳng có gì là vô tri cả*”. Vì sao?

Câu 8 (0.75 điểm): Đọc văn bản, em rút ra bài học gì trong việc bảo tồn và phát huy di tích lịch sử hay danh lam thắng cảnh của quê hương?

II. VIẾT: (5.0 điểm)

Viết bài văn nghị luận về một vấn đề cần giải quyết: “*Là học sinh em phải làm gì để giảm thiểu lượng rác thải nhựa.*”

.....Hết.....

*** Thí sinh không được sử dụng tài liệu; giám thị coi thi không giải thích gì thêm.**

*** Họ và tên thí sinh....., số báo danh (số thứ tự)**

(Hướng dẫn chấm gồm 02 trang)

HƯỚNG DẪN CHẤM

A. HƯỚNG DẪN CHUNG:

- Giám khảo cần chủ động nắm bắt nội dung trình bày của thí sinh để đánh giá tổng quát bài làm, tránh đếm ý cho điểm. Chú ý vận dụng linh hoạt và hợp lý
- Đặc biệt trân trọng, khuyến khích những bài viết có nhiều sáng tạo, độc đáo trong nội dung và hình thức.
- Điểm lẻ toàn bài tính đến 0.25 điểm, sau đó làm tròn theo quy định.

B. HƯỚNG DẪN CỤ THỂ:

I. ĐỌC HIỂU (5.0 điểm)

Trắc nghiệm khách quan (2.0 điểm):

Câu	Trả lời	Điểm
1	C	0,5
2	B	0,5
3	A	0,5
4	D	0,5

Trắc nghiệm tự luận (3.0 điểm):

Câu	Trả lời	Điểm
5	- Câu ghép đẳng lập - Quan hệ ý nghĩa: quan hệ bổ sung	0.25 0.5
6	Nội dung của văn bản: giới thiệu vẻ đẹp kì diệu của đá và nước Hạ Long. (HS có thể diễn đạt khác nhưng đảm bảo nội dung trên)	0.75
7	- Đồng tình hoặc không đồng tình. - Lí giải được lí do lựa chọn quan điểm của bản thân.	0.25 0.5
8	Gợi ý: - Yêu và tự hào. - Trân trọng và gìn giữ. - Quảng bá, tuyên truyền ,.... (HS có thể có ý khác nhưng phải xuất phát hành vi tích cực, không vi phạm đạo đức, pháp luật. Giám khảo linh hoạt ghi điểm)	0.75

II. VIẾT (5.0điểm):

Tiêu chí	Nội dung, yêu cầu cần đạt	Điểm
a. Đảm bảo yêu cầu về bố cục	Bố cục gồm: mở bài, thân bài, kết bài	0.5
b. Đảm bảo về phương pháp viết bài văn nghị luận giải quyết vấn đề (trong cuộc sống)	- Triển khai lập luận mạch lạc, chặt chẽ. - Biết nêu luận điểm; lựa chọn lí lẽ xác đáng, bằng chứng thuyết phục	0.5
Thí sinh có thể trình bày nhiều cách phân tích, giải quyết vấn đề nêu trong đề bài. Sau đây là gợi ý về một hướng giải quyết vấn đề		3.5
Mở bài: Giới thiệu vấn đề nghị luận	Nêu và xác định đúng vấn đề nghị luận: Giải pháp để giảm thiểu lượng rác thải nhựa.	0.25
Thân bài: - Giải thích vấn đề Phân tích vấn đề	- Rác thải nhựa là bao gồm các vật dụng làm từ nhựa mà khó hoặc không thể phân hủy trong tự nhiên.	0.5
	- Thực trạng: cảnh báo của các cơ quan chức năng trong nước và thế giới về số lượng rác thải nhựa được sử dụng và thải ra môi trường... - Nguyên nhân: + <i>Ý thức cộng đồng:</i> Nhiều người dân vẫn chưa nhận thức đúng mức về tác hại của rác thải nhựa, dẫn đến hành động thiếu trách nhiệm. + <i>Quản lý:</i> Các biện pháp quản lý và xử lý rác thải nhựa tại nhiều địa phương còn lỏng lẻo và thiếu hiệu quả. + <i>Tiêu thụ nhựa quá mức:</i> Việc sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nhựa vẫn diễn ra mạnh mẽ mà chưa có nhiều giải pháp thay thế thân thiện với môi trường. - Hậu quả: + <i>Môi trường:</i> Ô nhiễm đất, nước, không khí và tác động tiêu cực tới hệ sinh thái tự nhiên. + <i>Sức khỏe:</i> Nhựa là nguồn gốc của các chất độc hại có thể xâm nhập vào cơ thể qua đường hô hấp hoặc tiêu hóa, gây ra nhiều bệnh tật nguy hiểm. + <i>Kinh tế:</i> Ô nhiễm rác thải nhựa làm giảm chất lượng môi trường sống, ảnh hưởng xấu đến ngành du lịch và các ngành kinh tế khác.	1.0
	- Nâng cao nhận thức cộng đồng về tác hại của rác thải nhựa. - Khuyến khích thay đổi thói quen sử dụng đồ nhựa dùng một lần. - Khuyến khích tái sử dụng và tái chế rác thải nhựa...	1.0
- Trình bày những giải pháp		

- Phản bác ý kiến trái chiều	- <i>Ý kiến trái chiều</i>: Một số người cho rằng nhựa vẫn cần thiết vì sự tiện lợi và giá rẻ của nó, nên việc giảm thiểu nhựa sẽ dẫn đến chi phí cao hơn. - <i>Phản bác</i>: Lợi ích ngắn hạn của nhựa không thể so sánh với tác động lâu dài của nó đối với môi trường và sức khỏe cộng đồng. Đầu tư vào giải pháp thay thế bền vững là cần thiết.	0.5
Kết bài	Khái quát lại vấn đề nghị luận: - Khẳng định lại tầm quan trọng của việc giảm thiểu rác thải nhựa - Lời kêu gọi.	0.25
c. Diễn đạt Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt		0.25
d. Sáng tạo Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề cần giải quyết; đề xuất giải pháp mới mẻ, hợp lí, thuyết phục		0.25

.....HẾT.....